

**Nghiên cứu kiến thức bản địa
trong bảo quản một số loại
nông sản của người Êđê
và người M'Nông
tỉnh Daklak**

1. Đặt vấn đề

- Daklak có 1,95 tr ha và 1,94 tr người thuộc 43 dân tộc
- Vùng đất nhiều phong tục tập quán và giàu tính nhân văn
- Nhiều KTBD trong sản xuất NN và quản lý tài nguyên
- KTBD trong bảo quản NSP chưa được hiểu biết đầy đủ
- Có nhiều hình thức bảo quản khác nhau từ thô sơ đến hiện đại
- Bảo quản sử dụng KTBD đơn giản và có hiệu quả cao
- Từ ý tưởng cần hiểu biết và hệ thống lại các phương thức bảo quản chỉ sử dụng KTBD của người dân tộc tại Tây nguyên, chúng tôi thực hiện đề tài:

“Kiến thức bản địa trong bảo quản một số loại nông sản của người Êđê và Mnông tại Daklak”

Mục tiêu của đề tài

Đánh giá hiện trạng phương thức bảo quản nông sản phẩm của người Êđê và người Mnông tại Daklak, nhằm hệ thống hoá kiến thức bản địa, góp phần cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho phương thức bảo quản nông sản bằng kiến thức bản địa.

2. Một số khái niệm

1. Bảo quản

Bảo quản là quá trình giữ gìn cho khỏi hư hỏng và hao hụt

2. Tộc người

Cộng đồng người có tên gọi, địa vực cư trú, ngôn ngữ, đặc điểm sinh hoạt và văn hoá riêng.


3. Kiến thức

Những điều hiểu biết có được do từng trải

Tộc người Êđê

- Nói ngôn ngữ *Malay-polinesia*, tây *Indo*
- Sống thành cộng đồng ở những khu *bằng phẳng* hay ven các con sông, con suối.
- Êđê hình thành nhiều nhóm địa phương như: Kpă, Adham, Mđhur, Blô, Epan, Hwing, Dliê,... do có tính cộng đồng cao, nên thống nhất xem Êđê Kpă là Êđê chính thống.
- Chế độ *mẫu hệ* phân quyền nghiêm ngặt @

Tộc người Mnông

- Nói ngôn ngữ *Mon-Khome*
- Thường sống trên triền đồi
- Nhóm Mnông địa phương như Gar, Nong, Chil, Kuênh, Đíp, Po rang, Preh, Rlâm, Budâng.v.v... Cộng đồng M'Nông có nhiều *phương ngữ*
- Nhà của người M'nông gốc là nhà trệt “cửa vòm” 
- Chế độ mẫu hệ phân quyền *không nghiêm ngặt*

Kiến thức

KT Bản địa (*Indigenous Knowledge*) là một hệ thống KT của các dân tộc bản địa tại một khu vực cụ thể nào đó, nó tồn tại và phát triển trong những hoàn cảnh nhất định với sự đóng góp của mọi thành viên trong cộng đồng ở một vùng địa lý xác định. KTBD

KT Hàn lâm (*Academic Knowledge*) là những KT được hình thành bởi các học giả từ các viện trường, các trung tâm nghiên cứu, KT được hình thành dựa trên các phương pháp nghiên cứu khoa học chính thống, định lượng chính xác, hệ thống hoá thành lý luận và sách vở. 

3. Nội dung và phương pháp

3.1 Nội dung

1. Đánh giá điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của tỉnh Daklak
2. Kiến thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp
3. Kiến thức bản địa trong sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên
4. Kiến thức bản địa trong bảo quản lúa rẫy
5. Kiến thức bản địa trong bảo quản ngô
6. Quy trình bảo quản lúa và ngô bằng kiến thức bản địa tại Daklak

3.2 Phương pháp

- * KTBD *không phải là một đại lượng vật chất cụ thể*, không định lượng chính xác như các phương pháp hàn lâm.
- * Đánh giá, phân tích sự kiện bằng quan điểm của những *người được nghiên cứu*, có văn hoá khác nhau
- * Nghiên cứu mang tính chất định tính theo phương pháp của *nghiên cứu xã hội học*, cách tiếp cận xã hội học và có tính đặc thù cao với 8 nguyên lý.
- * RRA và PRA, công cụ: PV nhóm, PV cá nhân, SWOT, Rangking matrix.

4. Kết quả nghiên cứu

1. Đánh giá điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của tỉnh Daklak
2. Kiến thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp
3. Kiến thức bản địa trong sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên
4. Kiến thức bản địa trong bảo quản lúa rẫy
5. Kiến thức bản địa trong bảo quản ngô
6. Quy trình bảo quản lúa và ngô bằng kiến thức bản địa tại Daklak

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Đánh giá điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của tỉnh Daklak

4.2 Kiến thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp

- KTBD của tộc người Êđê và Mnông trong SXNN và QLTN có với nhiều nét giống nhau
- *Chỉ phân tích riêng hai tộc người khi có những nét đặc thù.*
- Tập đoàn giống lúa rẫy người Êđê phong phú hơn Mnông
- Tập quán canh tác nương rẫy truyền thống là du canh quay vòng
- Mỗi công việc được đi kèm với một tín ngưỡng cúng thần linh

4.1 KTBD trong sản xuất nông nghiệp

- 👉 Tìm rầy
- 👉 Dọn đốt rầy
- 👉 Trỉa hạt
- 👉 Nông lịch
- 👉 Đa dạng các giống lúa rầy

Tìm rẫy

- * Rừng già có nhiều cây “chặt ê tay mẽ rừ”
- * Kinh nghiệm nhìn cây “chỉ thị”, nhìn màu đất
- * Nhìn những ụ giun đất
- * Khi chặt hạ cây, thường để lại cây to như cây kơ nia (*Irvingia malayana*), Cây xoài rừng (*Malgifera indica*), cây me rừng (*Tamarindus indica*) *cà chích*?
- * Chặt hạ cây thường cách mặt đất khoảng 1 m

Khi phát rẫy người dân thường chừa lại phần rừng trên đỉnh đồi và một số cây bụi ở phía dưới chân rẫy.

- * Không chặt hạ cây phạm vào “rừng cấm”.
- * Cúng thần linh nghiêm túc và không cúng sẽ bị thần núi phạt bị bệnh tật, bị tai nạn như cây ngã đè, đi làm về bị vấp đá ngã gãy chân, bò heo trong nhà bị chết, .v.v...

Đốt rẫy

- Đốt cuối hướng gió, đốt ngược gió
- Hàng rào chống cháy xung quanh rẫy và thông báo với người có rẫy gần đó
- Đốt rẫy để cháy lang sang rẫy khác, cháy rừng sẽ bị phạt nặng theo luật tục
- Luật tục Êđê rất khoa học và nghiêm túc, buôn có Pô Phát Kđi (người xử kiện) xét xử.
- Điều 80/236 về vi phạm cháy rừng.

Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi

Đàn bà thường đốt lửa bậy bạ

Có những người đốt lửa mà làm như kẻ điếc, kẻ đui

Đàn ông thường đốt lửa bừa bãi

Đàn bà thường đốt lửa bậy bạ

Có những người đốt lửa mà làm như kẻ điên, kẻ dại

(...)

Cho nên nếu biết được con đàn bà ấy là ai

Thằng đàn ông ấy là ai thì việc xét xử

Phải đi đến phải bồi thường nặng.

Luật tục Mnông, 8 chương trong chương III, điều 19

Làm nhà chung dĩa. Làm rẫy chung bờ

Chăn trâu chung bãi cỏ. Tối ngủ cùng chung chiếu

Khi đốt rẫy phải báo cho nhau biết

Nếu đốt lên để lửa cháy lan. Lửa ăn sang rẫy người khác

Bị cháy rẫy, cháy lúa người khác

Người đốt rẫy có tội

Rẫy của người khác không đốt mà cháy

Phải cúng bằng vịt, bằng chó

Rẫy cháy không sạch phải dọn giúp

Chòi bị cháy phải đền (...)

Khi rừng bị cháy ai cũng phải có trách nhiệm dập lửa

Rừng bị cháy ta phải đi dập. Nước chảy tràn ta phải giúp chặn

Rừng bị cháy mà không dập tắt. Người đó sẽ không có rừng

Người đó sẽ không có đất.

Làm nhà, đừng dùng cây nữa

Làm chòi, đừng dùng cây nữa

Làm rẫy, không phát rừng nữa

Khi thiếu đói, đừng đào củ nữa

Bảo nó cất chòi ở trên mặt trăng

Bảo nó cất chòi ở trên ngôi sao

Bảo nó tría lúa ở trên cung mây

Trỉa hạt

- * Đàn ông chọc lỗ và đàn bà trỉa hạt.
Ưu thế của chọc lỗ!
- * Hồn hợp hạt giống đựng trong ống lồ ô to
- * Công cụ thô sơ do chính người dân tự làm

Nông lịch

* KTBD về quan hệ thời tiết khí hậu với các hoạt động sản xuất trên nương rẫy của người dân.

Con ve sầu kêu nhiều, *con tắc kè* núi kêu to, *con chim rừng hót* nhiều, con kiến bò thành đàn lên cành cây cao và gió thổi từ phía ông mặt trời đi ngủ

Tháng	Tiếng Êđê	Nghĩa tiếng Việt
Tháng một		Tháng ăn nhà mả, cúng Giàng, nghỉ ngơi
Tháng hai		Tháng phát rừng, hạ cây
Tháng ba		Tháng dọn rừng, đốt rẫy
Tháng bốn		Tháng gieo trỉa lúa
Tháng năm		Tháng gieo trỉa lúa ngô
Tháng sáu		Tháng làm cỏ
Tháng bảy		Tháng có ngô ăn
Tháng tám		Tháng thu ngô khô, nghỉ làm cỏ
Tháng chín		Tháng lúa trở bông
Tháng mười		Tháng thu lúa
Tháng mười một		Tháng đập lúa
Tháng mười hai		Tháng ăn nhà mả, cúng Giàng, nghỉ ngơi

Bảng 1 b: Lịch thời vụ của hai cây trồng chính trên rẫy

T	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Ngô					Gieo	1. cỏ	1. cỏ	Thu	Thu			
Lúa rẫy	Phát rừng	Đốt	Dọn		Gieo	Gieo	1. cỏ	1. cỏ	Thu	Thu	Thu	

Bảng 2: Canh tác các loại đất theo truyền thống

Sử dụng	Rẫy	Ruộng	Vườn
Công cụ sử dụng	-Dao, rìu, xà gạc -Gậy chọc lỗ -Dùng Wăng làm cỏ	-Trâu Bò cày -Dùng cuốc	-Dùng cuốc
Thời gian sử dụng đất	-Trong 3-5 năm rồi bỏ hóa 5-10 năm cho đất phục hồi dinh dưỡng. Chu kỳ này ngày nay rút ngắn.	-Cố định	-Cố định và thường bỏ hoang trống, ít hộ có trồng cây
Các loại cây trồng chính	-Lúa, Bắpđiaphương luân canh, xen canh với các Bàu, Bí, dưa, ớt, cà, ...	- Lúa địa phương	-Trồng một số loài cây ăn quả, cây rau đậu.
Nguồn nước	-Nước mưa	-Sử dụng nước suối, mưa	
Biện pháp canh tác	-Truyền thống không sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu -Để lại số cây to và một số cây bụi dưới chân rẫy, xung quanh trồng chuối, dưa, ớt, cà, ...	-Không bón phân hóa học	
Quản lý đất	-Theo dòng họ và chế độ mẫu hệ. -Không bán đất, quyền sử dụng và sở hữu đất được con cháu kế thừa theo họ mẹ.		



Sự đa dạng giống lúa rẫy

STT	Phân bố theo nhóm dân tộc	Số lượng mẫu giống	Phần trăm (%)
1	Người Kinh	73	25,2
2	Người Êđê	118	40,7
3	Người Mnông	84	29,0
4	Người Xedang	6	2,1
5	Người Jarai	8	2,7
6	Người Tày, Nùng và các nhóm khác	1	0,3
	Tổng cộng	290 mẫu giống	100



Sự đa dạng các mẫu giống lúa địa phương

Phân bố các mẫu giống lúa theo địa danh

STT	Nơi thu thập (xã)	Số lượng mẫu	Tỉ lệ (%)
1	Mường pôn	17	28.33
2	Mường păng	12	20.00
3	Nà tấu	13	21.67
4	Thanh nưa	6	10.00
5	Mường nói	12	20.00
Tổng số		60	100.00

Phân bố các mẫu giống lúa theo dân tộc

STT	Dân tộc	Số lượng mẫu	Tỉ lệ (%)
1	H' mông	21	35.00
2	Khơ mú	14	25.33
3	Thái	13	21.67
4	Lào	12	20.00
Tổng số		60	100.00

Phân loại các mẫu giống lúa theo loài phụ

STT	Nhóm giống	Số lượng mẫu		Tỉ lệ (%)
		Nếp	Tẻ	
1	Indica	33	21	90
2	Japonica	04	02	10
Tổng số		37	23	100

**Bảng 4 : Sự đa dạng của giống lúa rẫy truyền thống
tại Nam Nung, Krông nô năm 2002**

ST T	Tên giống	Thời gian sinh trưởng (tháng)	Thời điểm thu hoạch	Số nông hộ trồng (hộ)	TB Diện tích/hộ (ha/hộ)
	Nhóm giống 3 tháng có 8 giống				
	Nhóm 4-4,5 tháng, có 12 giống				
	Nhóm giống 5-6 tháng có 30 giống				

* Tổng 50 giống

4.3 Kiến thức bản địa trong sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên

4.3.1 Đối với tài nguyên đất đai

4.3.2. Đối với tài nguyên nước

4.3.1 Đối với tài nguyên đất đai

- * Ranh giới đất đai của buôn được xác định bởi trưởng buôn và dựa theo những ranh giới tự nhiên như: Sông, suối, núi, bìa rừng, v.v... *conflict*
- * Đất đai được truyền từ thế hệ nay sang thế hệ khác
- * *Bán đất là việc làm bị cấm kỵ theo luật tục*

@ KTBD trong sử dụng tài nguyên đất bị mai một

Bảng 5: Nguyên nhân mất dần kiến thức bản địa trong quản lý tài nguyên đất của người Êđê

Chỉ tiêu	Số điểm	Tỷ lệ	Xếp hạng
1- Dân số tăng	250	83,3%	III
2- Diện tích đất bị thu hẹp	200	66,6%	VI
3- Trồng cây công nghiệp	300	100%	I
4- Giống cây trồng mới	280	93,3%	II
5- Sang nhượng đất	220	73,3%	V
6- Thị trường phát triển	240	80,0%	IV
7- Giao thông thuận lợi	180	60,0%	VII

4.3.2. Đối với tài nguyên nước

- * KTBĐ phong phú về quản lý tài nguyên nước dựa trên cơ sở cộng đồng và tôn trọng tự nhiên.
- * Tập tục sử dụng chung "bến nước" và cúng bến nước - *Pin Ea buôn*.
- * Cấm chặt phá các cây cối gần nguồn nước mạch, không làm bẩn nguồn nước

**Bảng 6 : Nguyên nhân mất dần kiến thức bản địa
trong quản lý tài nguyên nước theo phong tục của
người Mnông**

Chỉ tiêu	Số điểm	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
1. Dân số tăng	60	20,0	V
2. Công trình nước sạch của NN	300	100	I
3. Trồng cây công nghiệp	240	80,0	III
4. Đào giếng và ao hồ	260	86,8	II
5. Bên nước cạn dần và thiếu nước	150	50,0	IV

4.4 Kiến thức bản địa trong bảo quản lúa rẫy

4.4.1 Các phương pháp bảo quản theo KTBD

4.4.2 Nhà kho bảo quản nông sản

4.4.1 Các phương pháp bảo quản theo KTBD

- Chọn quần thể tốt đều, không đổ ngã, không có sâu bệnh hại, không bị trâu bò, chim thú rừng phá hại
- Loại bỏ những cây lúa lạ, cây bất thường
- Thu hoạch bằng tay, ngắt từng bông lúa cột lại thành chùm hoặc tuốt bông lúa cho vào gùi
- Xử lý trước nhập kho
- Đựng trong bồ có lót một lớp lá cây khô cả trên và dưới.

- Người Mnông làm giàn đựng lúa trên bếp lửa, làm bằng một loại cây rừng nhỏ, bền dẻo.
- Thời gian bảo quản lúa rẫy từ 6 - 9 tháng tùy giống và nhu cầu gieo trồng.
- Kiểm tra và có vài lần phơi lại nếu thấy ẩm ướt.
- Kỹ thuật bảo quản lúa thối theo phương pháp kín
- Bảo quản lúa giống là thông thoáng tự nhiên có xử lý CO² không qui cách

- Lót nhiều lớp lá “*Hla-Klo*” khô, 3 – 4 lá/lớp dưới đáy bồ lúa và đậy trên bồ.

- Người M’ nông tại Earbin, KNô thu và xếp lúa thành ống tròn rộng ở giữa.

- Hoặc lúa xếp thành hàng cao, đầu lúa về một phía, phụ nữ đập và mang về nhà (tại Nam nung)

* Người Ê-Đê theo chế độ mẫu hệ, nhà kho do đàn ông làm, *quản lý* và bảo quản lúa do phụ nữ

* Người M’ nông ít nghiêm ngặt về giới tính hơn.

**Bảng 7: Các phương pháp bảo quản lúa giống của người Êđê
buôn Chuê, Dukman, Krông Ana**

Họ và tên Nông dân	Bảo quản trong bao để nhà kho	Bảo quản nguyên bông treo nhà bếp	Bảo quản trong bao treo nhà bếp	Bảo quản trong bao để bồ cùng lúa thịt
Y Kri Byă	9	7	8	4
Y Som Êban	10	8	9	6
Y Kuen Byă	10	8	8	7
Y Pin Mlô	10	7	8	6
Y Rim Niê	10	8	8	6
Y Ran Mlô	9	9	9	4
Y Truê Niê	10	8	8	7
Y Blốt Mlô	10	8	9	7
Y Ngỡi Niê	10	7	9	5
Y Bun Niê	10	7	8	4
Tổng điểm	98	77	84	56
Xếp loại	I	III	II	IV

**Bảng 8: Các phương pháp bảo quản lúa giống của người
Mnông buôn Rutzu, Nam Nung, Krông Nô**

Họ và tên Nông dân	Bảo quản trong bao để nhà kho	Bảo quản nguyên bông treo nhà bếp	Bảo quản trong bao treo nhà bếp	Bảo quản trong bao để bồ cùng lúa thịt
Ma Rơm	7	7	97	4
Y Rit Êban	9	6	99	5
Mi Hạnh	8	7	88	5
Mi Sen Niê	8	7	108	6
Y Mim Niê	8	8	108	6
Y Ran Mlô	9	7	99	4
Y Minh Niê	8	8	108	7
Mi Rơm	8	7	98	6
Y Ngai Niê	8	7	108	5
YNhuynhNi	8	6	88	4
Tổng điểm	81	70	92	53
Xếp loại	II	III	I	IV

4.4.2 Nhà kho bảo quản nông sản

- Kho chứa nông sản cách biệt với nhà ở
- Làm kiểu nhà sàn cách mặt đất hơn 1 m, 4–5m x 3 – 4m
- *Sàn nhà kho* làm bằng tre đan thành tấm, thông thoáng tốt.
- *Vách nhà kho* cao 1,5m
- Chọn vật liệu làm nhà kho, tre già, to, vân trắng, không bóng, chặt đầu tháng, lúc trăng mới mọc.
- *Mái nhà kho* làm bằng tranh, lợp 3-5 lớp dày từ 5–6 cm
- *Trụ cột nhà kho* có 4 đến 6 trụ làm bằng cây gỗ già trên rừng, gỗ Cà chíc (*Penlacme*) R>20cm, lấy nhiều cánh rừng khác nhau. KTBD để chống chuột

* *Xà dọc, sà ngang và nóc nhà kho* làm bằng cây bằng lăng hoặc gỗ cà chíc

* *Hàng hiên và cầu thang nhà kho* làm chồm ra để che nắng che mưa

* *Cửa nhà kho* làm bằng nang tre dày, cửa rộng

* *Dụng cụ thu hoạch và bảo quản nông sản phẩm* là “gùi”

Gùi do đàn ông đan bằng tre, KTBD này được truyền dạy cho tất cả con trai

Bảng 9: Ưu nhược điểm của nhà kho kiểu truyền thống của người Êđê

Ưu điểm

- Vật liệu dễ kiếm, sẵn có, công lao động ít, chi phí rẻ.
- Dễ thiết kế, dễ làm
- Sàn nhà cao, chống ẩm, tránh được chuột và một số loài côn trùng, kiến, mối phá nông sản, tránh được mưa tràn mặt đất.
- Chống bốc nóng trong kho tốt.
- Dễ phát hiện khi nhà kho bị hư hỏng

Nhược điểm

- Thời gian sử dụng ngắn 4–6 năm.
- Dễ bị cháy khi gặp lửa
- Bảo quản nông sản với số lượng ít
- Nhiều nơi ẩn nấp cho côn trùng sâu bệnh, mốc, chuột sau một thời gian bảo quản.
- Nhà kho không an toàn.
- Hao hụt lớn trong quá trình bảo quản.

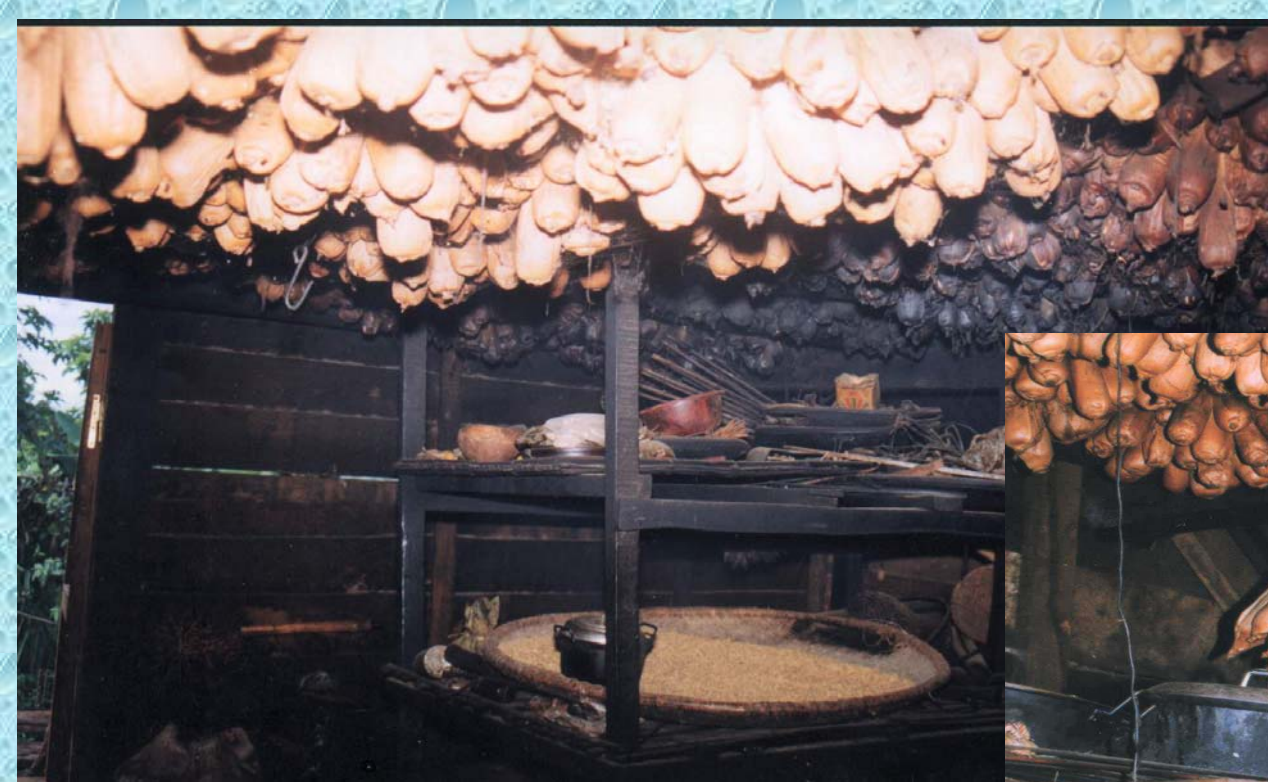
Bảng 10: Những điểm mạnh điểm yếu trong bảo quản lúa

Loại nông sản	Cách bảo quản	Nơi bảo quản	T/gian bảo quản	Ưu điểm	Nhược điểm
Lúa thối dùng để cúng và ăn	<ul style="list-style-type: none"> - Đổ vào bồ lúa để trong nhà kho - Làm bẫy chuột, nuôi mèo bắt chuột 	Nhà kho riêng cách xa nhà ở	9-12 tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ bảo quản dễ làm, đơn giản, dễ tìm. - Bảo quản thông thoáng - Tránh cháy kho và chống chuột tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo quản dài dễ bị mốc, ẩm mốc nhất là mùa mưa. - Dễ bị ảnh hưởng bởi tác động của môi trường.
Lúa làm giống	<ul style="list-style-type: none"> - Để vào bao, sọt treo trên xà nhà - Phơi định kỳ để bảo quản tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà kho - Nhà bếp 	6 tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ bảo quản đơn giản dễ làm, không tốn kém. - Đảm bảo và an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo quản với số lượng ít. - Khó áp dụng cho diện tích sản xuất lớn.

4.5 Kiến thức bản địa trong bảo quản ngô

**Người Êđê
bảo quản giống ngô**





**Bảo quản giống ngô
của Mnông**

4.6 Qui trình bảo quản lúa và ngô theo kiến thức bản địa

4.6.1 Đối với lúa giống

** Thu hoạch*

** Bảo quản*

4.6.2 Đối với lúa thịch

4.6.3 Đối với ngô giống

** Thu hoạch*

** Bảo quản*

4.6.4 Đối với ngô thịch

A shadow of a person with their arms raised is cast on a light-colored concrete surface. The shadow is dark and occupies the left and center of the frame. The person's head is at the top, and their arms are spread wide to the sides. The concrete surface has some faint lines and textures.

Thảo luận thêm

@ Ai quan tâm đến kiến thức bản địa ?

@ Ai sở hữu kiến thức bản địa ?

@ KTBD còn có giá trị trong đời sống của cộng đồng không ?

Hộp 1:

Năm 1995 lần đầu đến với rừng già Nam Nung, trong chương trình sưu tập nguồn gen cây lúa rẫy địa phương của người dân tộc thiểu số tại Tây nguyên. Chúng tôi không khỏi bàng hoàng khi được Mi Rich, buôn Jara mang cho xem những mẫu giống lúa rẫy, hơn 10 giống có màu sắc, hình dạng, có râu và không có râu khác nhau, thật đa dạng và muôn màu muôn vẻ. Mi Rich còn cho biết các gia đình khác còn nhiều giống khác nữa. Chúng tôi bắt tay ngay vào công việc một cách say mê và bận rộn. Kết quả thật đáng kinh ngạc, 64 mẫu giống lúa rẫy khác nhau đã được sưu tập. Thật thú vị và đáng trân trọng về những giống lúa do chính người dân tạo ra, họ xứng đáng được kính phục như những nhà khoa học di truyền tài giỏi trong dân.

Đêm đến trong không khí đầm ấm bên bếp lửa khách, đồng bào kể cho chúng tôi nghe về huyền thoại của cây lúa rẫy, tên các giống lúa rẫy, ý nghĩa tên của từng loại giống cùng với những kiến thức bản địa trong gieo trồng các loại lúa rẫy đó. Có thể nói đây là cả một *kho tàng kiến thức nông nghiệp trong cộng đồng*.

Năm 2000 có dịp quay lại Nam nung trong một chuyến điền dã chúng tôi gặp lại những người dân ngày trước đã gặp, thật xót và tiếc khi hơn 15 giống lúa rẫy có thời gian sinh trưởng 3 – 4 tháng đã mất, không còn một hạt ở nhà nào. Người dân cho biết họ chỉ trồng giống này trên cái rẫy mới để có lúa ăn sớm và cho cả con chim rừng ăn, nay rừng mất, rẫy mới không có, con chim rừng cũng không còn để ăn thì giống để làm gì?

Hộp 2:

Trong một lần đi công tác đến bản Phá sáng (xã Thanh Nưa, Điện Biên Phủ), chúng tôi đã cùng chia vui với người dân và cán bộ khuyến nông vì họ vừa có một vụ ngô bội thu với giống ngô mới HQ 2000, một giống ngô có hàm lượng protein cao, nghe nói được tạo ra nhằm góp phần cải thiện bữa ăn hàng ngày của người nghèo. Giống ngô mới có năng suất cao hơn hẳn giống ngô cũ. Ngô đầy ăm ắp trong kho chứa của mỗi nhà. Sáu tháng sau chúng tôi trở lại bản trong một lần công tác khác, dân bản đã buồn bã nói với chúng tôi: Dự án *phát triển giống ngô mới đã giúp họ bội thu ngoài đồng, nhưng giống ngô mới lại làm họ bị mất mùa trong nhà*, vì sau vài tháng bảo quản, ngô trong kho đã bị mọt gặm hết, bán không ai mua, làm *mèn mèn* cũng không được; giống ngô của họ không dễ bị mọt như thế. Một người phụ nữ H'Mông nhận xét: *Giống ngô mới là giống ngô giành cho nhà giàu, họ cần sản lượng cao để bán ngô ngay sau khi thu hoạch để lấy tiền mua xe Minsk còn nhà nghèo cần ngô làm mèn mèn thì cứ dùng giống ngô của người Mèo ta thôi!*

Trần Đức Viên, 2003

5. Kết luận và đề nghị

5.1 Kết luận

@ Kiến thức bản địa là một kho tàng kiến thức quý giá của cộng đồng, nó có giá trị vật chất và tinh thần cao giúp cộng đồng tồn tại và phát triển qua nhiều thế hệ.

@ Trong bảo quản nông sản phẩm bằng kiến thức bản địa của người Êđê và M'nông đã hình thành một qui trình bảo quản nông sản phẩm đơn giản dễ làm và mang lại hiệu quả cao, nông sản ít hao hụt và hư hỏng.

@ Kiến thức bản địa có những điểm mạnh trong sản xuất nông nghiệp mà cụ thể trong bảo quản hạt giống, an toàn, đảm bảo sự nảy mầm, không dùng hoá chất độc ảnh hưởng đến môi trường sống.

5.2 Đề nghị

- Bên cạnh rất nhiều ưu điểm của KTBD thì cũng có những hạn chế cần phải nghiên cứu để điều chỉnh hợp lý, góp phần vào sự phát triển nông nghiệp của đất nước.
- Một số KTBD rất quý giá nhưng dưới tác động của những điều kiện môi trường, kinh tế xã hội mới đã trở nên không phù hợp cần nghiên cứu cải tiến nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.
- Xu hướng phát triển của xã hội đã làm xói mòn KTBD một cách đáng kể. Chiều hướng dẫn tới một nền sản xuất nông nghiệp độc canh đã làm suy giảm sự đa dạng cây trồng và mai một KTBD của nhiều tộc người sống ở Daklak.

Xin cảm ƠN

